Mẫu thầu RR31

BỘ QUỐC PHÒNG
BỆNH VIỆN TWQĐ 108
Số: 7417/QĐ-BV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023*

# QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu**

**Gói thầu số 01: Mua sắm thuốc Generic cho hệ thống nhà thuốc bệnh viện**

Thuộc dự toán và KHLCNT: Mua sắm thuốc cho hệ thống nhà thuốc bệnh viện năm 2024 của Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

## GIÁM ĐỐC

*Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 07 năm 2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu mua thuốc tại các cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Thông tư 06/2023/TT-BYT ngày 12 tháng 03 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BQP ngày 12 tháng 01 năm 2021 quy định một số nội dung về đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong Bộ Quốc phòng;*

*Căn cứ Quyết định số 5541/QĐ-BQP ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu "Mua sắm thuốc cho hệ thống nhà thuốc bệnh viện năm 2024 của Bệnh viện TWQĐ 108" của Bộ Quốc phòng;*

*Căn cứ Quyết định số 6132/QĐ-BV ngày 08/11/2023 về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 1: Mua sắm thuốc generic cho hệ thống nhà thuốc bệnh viện thuộc dự toán và KHLCNT: Mua sắm thuốc cho hệ thống nhà thuốc bệnh viện năm 2024 của Bệnh viện Trung ương Quân đội 108*

*Căn cứ Quyết định số: 7079/QĐ-BV ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật gói thầu số 1: Mua sắm thuốc generic cho hệ thống nhà thuốc bệnh viện của Giám đốc Bệnh viện Trung ương Quân đội 108;*

*Căn cứ Quyết định số 7256/QĐ-BV ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Bệnh viện về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu số 01: Mua sắm thuốc Generic cho HTNT bệnh viện;*

*Căn cứ Tờ trình số 7305/TTr-BV ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 về việc đề nghị phê duyệt kết quả LCNT gói thầu số 01: Mua sắm thuốc Generic cho HTNT bệnh viện;*

Được quét bằng CamScanner

*Căn cứ Báo cáo thẩm định số 7387/BCTĐ-BV ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tổ thẩm định về việc báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Mua sắm thuốc Generic cho HTNT bệnh viện.*

Xét đề nghị của Bên mời thầu – Bệnh viện TWQĐ 108 và Tổ thẩm định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu:

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Mua sắm thuốc Generic cho HTNT bệnh viện thuộc dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm thuốc cho hệ thống nhà thuốc bệnh viện năm 2024 của Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 (*chi tiết theo phụ lục đính kèm*), theo các nội dung sau:

- Tổng số khoản thuốc trúng thầu: 531 mặt hàng
- Tổng số công ty trúng thầu: 134 nhà thầu
- Tổng giá trị đề nghị phê duyệt trúng thầu: 44.207.490.795 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi bốn tỉ hai trăm linh bảy triệu bốn trăm chín mươi nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng./.)*
- Loại hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

**Điều 2.** Giao bên mời thầu thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu tới các nhà thầu, tổ chức ký kết hợp đồng cung ứng thuốc đối với các nhà thầu trúng thầu gói thầu số 01 và thực hiện các nội dung khác của quy trình đấu thầu theo quy định.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Bên mời thầu và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Bên mời thầu;
- Lưu VT, C9.

**GIÁM ĐỐC**

BỘ QUỐC PHÒNG * BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG QUÂN ĐỘI 108

**Thiếu tướng Lê Hữu Song**

Được quét bằng CamScanner

# DANH SÁCH NHÀ THẦU VÀ DANH MỤC THUỐC TRÚNG THẦU

## Gói thầu số 1: Mua sắm thuốc generic cho HTNT bệnh viện

*(Kèm theo Quyết định số: 7417/QĐ-BV ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bệnh viện TWQĐ 108)*

| STT | Mã thuốc | Tên thuốc | Tên hoạt chất | Nồng độ - Hàm lượng | GĐKLH hoặc GPNK | Đường dùng | Dạng bào chế | Hạn dùng (Tuổi thọ) | Cơ sở sản xuất | Nước sản xuất | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (đồng có VAT) | Thành tiền (đồng có VAT) | Nhóm thuốc |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| | **Công ty TNHH Benephar** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | G1NT-154 | Zumfen 400 | Cefditoren | 400mg | VD-33491-19 | Uống | Viên nén bao phim | 36 | Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun | Việt Nam | Hộp 2 vỉ x 10 viên | Viên | 2.000 | 44.100,0 | 88.200.000 | 4 |
| 2 | G1NT-255 | Vectrine | Erdosteine | 175mg/5ml x 60ml | VD-19730-16 | Uống | Bột pha siro | 24 | PT. Dexa Medica | Indonesia | Hộp 1 chai bột để pha 60ml siro | Chai | 2.000 | 87.000,0 | 174.000.000 | 5 |
| 3 | G1NT-362 | Puzhir | Kẽm gluconat | 70mg | VD-33298-19 | Uống | Viên nén phân tán | 36 | Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh | Việt Nam | Hộp 3 vỉ x 10 viên | Viên | 10.000 | 3.600,0 | 36.000.000 | 4 |
| 4 | G1NT-41 | A.T Ambroxol | Ambroxol HCl | 30mg | VD-24125-16 | Uống | Dung dịch uống | 24 | Công ty cổ phần Dược phẩm An Thiên | Việt Nam | Hộp 20 gói, 30 gói, 50 gói x 5ml | Gói | 10.000 | 1.750,0 | 17.500.000 | 4 |
| 5 | G1NT-453 | Dkasolon | Mometason furoat | 0,05mg/liều xịt x 140liều | VD-32495-19 | Xịt mũi | Hỗn dịch xịt mũi | 24 | Công ty cổ phần Dược Khoa | Việt Nam | Hộp 1 lọ 140 liều xịt | Lọ | 1.000 | 192.150,0 | 192.150.000 | 4 |
| 6 | G1NT-85 | Infabuten | Bilastin | 20mg | VD3-204-22 | Uống | Viên nén | 36 | Công ty TNHH DRP Inter | Việt Nam | Hộp 3 vỉ x 10 viên | Viên | 5.000 | 5.680,0 | 28.400.000 | 4 |

Được quét bằng CamScanner

| STT | Mã thuốc | Tên thuốc | Tên hoạt chất | Nồng độ - Hàm lượng | GĐKLH hoặc GPNK | Đường dùng | Dạng bào chế | Hạn dùng (Tuổi thọ) | Cơ sở sản xuất | Nước sản xuất | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (đồng có VAT) | Thành tiền (đồng có VAT) | Nhóm thuốc |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 7 | G1NT-559 | Nateki | Rebamipid | 100mg | VD-35377-21 | Uống | Thuốc cốm | 36 | Công ty cổ phần sản xuất - Thương mại dược phẩm Đông Nam | Việt Nam | Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói x 1,5g | Gói | 10.000 | 3.700,0 | 37.000.000 | 4 |
| 8 | G1NT-89 | Lubicid Suspension | Bismuth subsalicylat | 525,6mg/30 ml | VD-33480-19 | Uống | Hỗn dịch uống | 24 | Công ty cổ phần Dược phẩm Me Di Sun | Việt Nam | Hộp 20 gói x 30ml | Gói | 5.000 | 8.900,0 | 44.500.000 | 4 |
| 9 | G1NT-152 | Zumfen 200 | Cefditoren | 200mg | VD-33490-19 | Uống | Viên nén bao phim | 36 | Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun | Việt Nam | Hộp 2 vỉ x 10 viên | Viên | 3.000 | 23.100,0 | 69.300.000 | 4 |
| 10 | G1NT-34 | Thiotonic 600 | Alpha lipoic acid (Acid thioctic) | 600mg | VD-32219-19 | Uống | Viên nén bao phim | 36 | Công ty cổ phần S.P.M | Việt Nam | Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên | Viên | 10.000 | 7.100,0 | 71.000.000 | 4 |
| | **Cộng: 10 khoản** | | | | | | | | | | | | | | **758.050.000** | |

Được quét bằng CamScanner